

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2006	Năm 2005
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1- Lợi nhuận trước thuế:	01		12.095.921.335	11.846.921.953
2- Điều chỉnh cho các khoản:			11.549.558.796	18.271.390.795
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.351.583.490	16.251.913.739
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		472.366.387	181.969.868
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.803.651	
- Chi phí lãi vay	06		3.723.805.268	1.837.507.188
3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		23.645.480.131	30.118.312.748
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(5.086.022.992)	(7.981.203.439)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(10.111.244.296)	(8.263.568.588)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		5.197.307.204	15.471.628.452
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		543.445.295	(3.091.566.752)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.723.805.268)	(1.837.507.188)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(528.027.865)	(1.097.958.587)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.249.848.855	4.385.977.888
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(14.546.047.784)	(17.608.591.235)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.004.546.851)	10.095.523.299
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(6.659.173.912)	(18.947.813.395)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		5.000.000	107.818.182
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(10.000.000)
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(5.821.742.000)	(381.138.000)
6- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26			4.764.900.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.475.915.912)	(14.466.233.213)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		94.731.999.624	46.640.898.373
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(85.019.617.721)	(31.013.809.971)
6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.042.080.000)	(4.045.528.397)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.670.301.903	11.581.560.005
Lưu chuyển tiền thuần trong kì	50		(9.164.680.729)	7.210.850.091
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kì	60		15.893.061.095	8.581.831.366
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		97.183.986	100.379.638
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kì	70		6.825.564.352	15.893.061.095

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Chinh



Ngày 2 tháng 3 năm 2007

Tổng Giám Đốc

Trang 8